UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 193 /BC-SNN&PTNT	*Thanh Hoá, ngày 17 tháng 6 năm 2022*

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Bôn, xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh Phê duyệt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 137/KH-BCĐ ngày 17/5/2022 của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Bôn, xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Bôn, xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tên chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư xây dựng: Không quá 4.200 triệu đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh; riêng chi phí GPMB (nếu có) do ngân sách huyện chi trả.

9. Hình thức đầu tư: Đầu tư công.

10. Dự kiến thời gian bố trí vốn: Không quá 03 năm kể từ thời điểm bắt đầu bố trí vốn để triển khai thực hiện dự án.

11. Lĩnh vực: Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản.

12. Dự kiến thời gian thực hiện dự án: Không quá 03 năm (từ năm 2023-2025).

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện thuận lợi và khó khăn, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư

1.1. Sự cần thiết đầu tư

Bản Bôn, xã Trung Thượng là bản khó khăn của huyện Quan Sơn, có 28 hộ là người dân tộc Thái sinh sống tại ven đồi núi Pha Quen và dọc sông Lò. Từ năm 2019 vào mùa mưa, tại nơi các hộ dân sinh sống hay xảy ra lũ lớn, lũ quét và sạt lở đất gây nguy hiểm đến tính mạng, tài sản của người dân (khi mưa lớn xảy ra người dân phải di dời, tạm tránh). Để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho người dân thì việc di dời, bố trí tái định cư cho các hộ dân bản Bôn, xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa ra khỏi khu vực nguy hiểm là thực sự cần thiết.

1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư

Dự án được sự ủng hộ cao và là nguyện vọng thiết tha của chính quyền và nhân dân địa phương, mong muốn công trình sớm được triển khai thi công để ổn định tình hình kinh tế - xã hội của nhân dân địa phương.

Công tác GPMB phục vụ thi công dự án không gặp nhiều khó khăn do được sự đồng thuận của cộng đồng dân cư khu vực thực hiện dự án.

1.3. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư

Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Bôn, xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa phù hợp với:

- Phương án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư nhỏ lẻ và dân cư tại các vùng có nguy cơ cao bị ảnh hưởng của thiên tai thuộc các huyện miền núi, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 03/8/2018;

- Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021;

- Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư

2.1. Mục tiêu dự án

- Đầu tư dự án giúp đảm bảo cho tính mạng, tài sản của người dân đến nơi ở mới an toàn.

- Từng bước ổn định đời sống cho nhân dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, phát huy hiệu quả của đầu tư cơ sở hạ tầng, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và củng cố an ninh, quốc phòng.

2.2. Phạm vi, quy mô đầu tư

- Phạm vi đầu tư: Khu vực dự kiến thực hiện dự án được xác định tại các thửa đất số 45, 42, thuộc tờ bản đồ số 4, bản đồ địa chính xã Trung Thượng, nguồn gốc là đất trồng cây lâu năm.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư khu tái định cư liền kề để bố trí sắp xếp ổn định cho 28 hộ dân, với diện tích thực hiện dự án khoảng 3,6ha, gồm các hạng mục chính: San lấp mặt bằng; đấu nối đường giao thông, đường điện nước với khu dân cư sở tại...

- Dự án được triển khai trên địa bàn huyện miền núi, diện tích khu đất được lựa chọn dựa trên đặc điểm, tình hình và nhu cầu bố trí quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương, phù hợp với quỹ đất hiện có và phong tục, tập quán canh tác của từng dân tộc. Quá trình thực hiện phải đảm bảo diện tích đất ở không vượt quá hạn mức tối đa theo Quy định tại Quyết định 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014; Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả đầu tư, không làm vượt tổng mức đầu tư dự án. Diện tích khu đất bố trí TĐC phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.3. Địa điểm đầu tư: Xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư

3.1. Tổng mức đầu tư dự kiến: Không quá 4.200 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Tổng mức đầu tư được xác định theo phương pháp xác định từ dữ liệu về chi phí của các dự án, công trình tương tự đang triển khai thực hiện trên cùng địa bàn (khu tái định cư tập trung Bản Ón, xã Tam Chung, huyện Mường Lát; khu tái định cư tập trung khu Co Hương, bản Ngàm, xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn; khu tái định cư tập trung bản Lở, xã Nam Động, huyện Quan Hóa có mức đầu tư cơ sở hạ tầng là 300 triệu đồng/hộ. Đối với các khu tái định cư liền kề đầu tư ít các hạng mục hơn do đó quy mô đầu tư giảm 50% so với các công trình nêu trên, tương đương chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng là 150 triệu đồng/hộ, phù hợp với chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 590-KL/TU ngày 08/9/2021 và Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh).

3.2. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh; riêng chi phí GPMB (nếu có) do ngân sách huyện Quan Sơn chi trả.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư và dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả

- Dự kiến thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2023 đến năm 2025.

- Dự kiến thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Không quá 03 năm kể từ thời điểm bắt đầu bố trí vốn để triển khai thực hiện dự án.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành

- Chi phí liên quan trong quá trình thực hiện: Không.

- Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành: Theo chi phí quản lý thường xuyên hàng năm của đơn vị được giao quản lý sử dụng công trình.

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (nếu có): Giao UBND huyện Quan Sơn chịu trách thực hiện giải phóng mặt bằng công trình.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội

6.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội

a) Tác động về môi trường

Dự án không gây bất lợi lớn cho môi trường, tuy nhiên trong quá trình thi công xây dựng các công trình trong vùng sẽ phát sinh một số vấn đề cần quan tâm như:

- Nước thải: Từ các lán trại thi công do tập trung nhiều công nhân, máy móc, thiết bị;

- Không khí: Do các phương tiện thi công làm ô nhiễm cục bộ môi trường thi công và vùng phụ cận;

- Ô nhiễm tiếng ồn: Tiếng ồn từ máy móc thi công và vận chuyển vật liệu xây dựng.

- Chất thải rắn: Vật liệu dư thừa khi thi công mà không tái sử dụng được và rác thải trong sinh hoạt của công nhân.

Để giải quyết các vấn đề về môi trường trong quá trình thực hiện dự án cần phải:

- Thông báo cho chính quyền địa phương và dân cư trong vùng về kế hoạch thi công, thực hiện tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư theo đúng quy định pháp luật và kịp thời nhằm sớm ổn định đời sống người dân.

- Song song với việc giám sát dự án đầu tư phải tiến hành giám sát về môi trường trong thời gian thi công, cần lập kế hoạch và biện pháp quản lý các chất thải rắn và lỏng để đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn cho sức khỏe của cán bộ công nhân thi công và nhân dân trong khu vực theo quy định.

- Tập huấn, tuyên truyền cho công nhân các quy định về bảo vệ môi trường; Thu gom rác thải, nước thải sinh hoạt và đổ bỏ vào nơi quy định sau đó sẽ được xử lý và chôn lấp.

- Thực hiện đầy đủ việc che chắn các phương tiện chở vật tư, vật liệu trong quá trình thi công. Tưới nước định kỳ khu vực thi công để giảm bụi. Hạn chế tiếng ồn và việc chặt phá cây xanh trong khu vực xây dựng.

- Hoàn trả lại mặt bằng đối với khu vực sử dụng làm mặt bằng công trường, san trả lại các bãi vật liệu sau khi khai thác vật liệu. Tháo dỡ lán trại nhà kho và thu dọn vệ sinh mặt bằng trước khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

b. Tác động về xã hội:

Bên cạnh những tác động tích cực về mặt xã hội như tạo thêm công việc cho người dân trong vùng, việc triển khai thực hiện dự án cũng có thể mang lại những tác động tiêu cực như: Xảy ra tình trạng mâu thuẫn giữa lực lượng công nhân với cư dân bản địa, có thể phát sinh tai nạn lao động, tai nạn giao thông trong quá trình triển khai thi công. Tuy nhiên, các tác động này có thể giảm thiểu bằng cách thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo trật tự, đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.

6.2. Hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội

Thực hiện dự án bố trí sắp xếp dân cư sẽ hình thành cụm dân cư tập trung để tạo lập vùng chuyên canh sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đồng thời áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất giúp nâng cao hiệu quả kinh tế nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn; giảm nhẹ thiệt hại về tài sản và con người do ảnh hưởng của thiên tai, nhất là trong mùa lũ hàng năm.

Việc hỗ trợ di dời và đầu tư cơ sở hạ tầng tại điểm tái định cư góp phần giảm bớt những khó khăn, đảm bảo điều kiện để người dân yên tâm phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống tại nơi ở mới và bảo vệ trật tự an toàn xã hội, góp phần thực hiện tốt chủ trương xoá đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

7. Phân chia dự án thành phần: Không.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

8.1. Tổ chức quản lý:

- Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Phương thức thực hiện dự án: Thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư công, đấu thầu và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

8.2. Tổ chức thực hiện:

- Phối hợp với chính quyền thực hiện tốt công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ lợi ích, đồng lòng trong việc thực hiện các mục tiêu của dự án.

- Lựa chọn các Nhà thầu có kinh nghiệm, năng lực trong công tác tư vấn, giám sát, thi công để đảm bảo dự án hiệu quả, tiết kiệm và hoàn thành sớm nhất.

- Đấu mối bố trí vốn kịp thời để hoàn thành dự án; lựa chọn giải pháp thi công, xây dựng tiến độ thi công hợp lý, thực hiện tốt việc giám sát môi trường nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng việc thi công đến đời sống của người dân.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Bôn, xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư ;
- Lưu VT, PTNT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH THANH HÓA

Cao Văn Cường

Phụ lục: Sơ bộ tổng mức đầu tư dự án

(Kèm theo báo cáo số /BC-SNN&PTNT ngày / /2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	**Chi phí xây dựng**				**2.641.996.049**	**211.359.684**	**2.853.355.733**
2	**Chi phí quản lý dự án**	**2,901%**		**(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ**	**76.644.305**		**76.644.305**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**348.083.841**	**27.766.708**	**375.850.549**
3.1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất			TT	150.000.000	12.000.000	162.000.000
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,974%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	134.477.599	10.758.208	145.235.807
3.3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,388%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	12.301.134	984.091	13.285.225
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,566%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	48.418.195	3.873.456	52.291.651
3.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,1%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.886.913	150.953	2.037.866
3.6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.000.000		1.000.000
4	**Chi phí khác**				**492.347.630**	**35.988.905**	**528.336.535**
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)	15,000%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	396.299.407	31.703.953	428.003.360
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,424%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	31.880.100		31.880.100
4.3	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,705%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	53.561.899	4.284.952	57.846.851
4.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	20%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	9.683.639		9.683.639
4.5	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	15%	0,5	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật x tỷ lệ	922.585		922.585

5	**Chi phí dự phòng**						**365.813.089**
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%		(Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			365.813.089
	Tổng cộng (Làm tròn)						**4.200.000.000**